

DỰ THẢO

BÁO CÁO

Tổng kết tình hình thực hiện Nghị định số 95/2014/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2014 của Chính phủ quy định về đầu tư và cơ chế tài chính đối với hoạt động khoa học và công nghệ

(Kèm theo Tờ trình số /TTr-BKHCN ngày tháng năm 2024 của Bộ Khoa học và Công nghệ)

Triển khai thực hiện Luật Khoa học và công nghệ, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 95/2014/NĐ-CP ngày 17/4/2014 về đầu tư và cơ chế tài chính đối với hoạt động khoa học và công nghệ (Nghị định số 95/2014/NĐ-CP).

Sau gần 10 năm thực hiện, đã đạt được kết quả nhất định và không phát sinh vướng mắc lớn cần thay thế Nghị định số 95/2014/NĐ-CP. Việc sửa đổi Nghị định số 95/2014/NĐ-CP xuất phát từ những bất cập trong thực hiện đầu tư và cơ chế tài chính đối với hoạt động khoa học và công nghệ và sự thay đổi của pháp luật có liên quan.

I. Kết quả đạt được

1. Hệ thống quy định pháp luật về cơ chế quản lý tài chính cho hoạt động khoa học và công nghệ (KH&CN) ban hành kịp thời, đồng bộ

Trong thời gian qua, Chính phủ đã nỗ lực trong công tác xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật về KH&CN góp phần huy động nguồn lực cho hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (KH&CN&ĐMST); thúc đẩy sự phát triển đồng bộ các lĩnh vực KH&CN phục vụ hiệu quả phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế; đưa nội dung KH&CN&ĐMST gắn bó chặt chẽ và phục vụ trực tiếp cho phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao năng lực ĐMST của doanh nghiệp, đưa doanh nghiệp trở thành trung tâm của hệ thống đổi mới sáng tạo quốc gia.

Hiện nay, cơ chế quản lý tài chính đối với phân bổ, sử dụng chi sự nghiệp KH&CN được thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước (NSNN), Luật KH&CN, Điều 14 của Nghị định số 95/2014/NĐ-CP và các thông tư liên tịch giữa Bộ KH&CN và Bộ Tài chính (Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 22/4/2015 hướng dẫn định mức xây dựng, phân bổ dự toán, quyết toán đối với nhiệm vụ KH&CN có sử dụng NSNN; Thông tư số 03/2023/TT-BTC ngày 10/01/2023 của Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ; Thông tư số 02/2023/TT-BKHCN ngày 08/5/2023 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn một số nội dung chuyên môn phục vụ công tác xây dựng dự toán thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng

ngân sách nhà nước và Thông tư liên tịch số 27/2015/TTLT-BKHCN-BTC ngày 30/12/2015 quy định khoản chi thực hiện nhiệm vụ KH&CN sử dụng NSNN,...) và các văn bản hướng dẫn có liên quan.

Hệ thống pháp luật nêu trên đã tương đối đầy đủ, tạo hành lang pháp lý cho việc quản lý lý tài chính cho hoạt động KH&CN.

Việc xác định và phê duyệt nhiệm vụ KH&CN được thực hiện trên cơ sở dự toán nguồn NSNN được phê duyệt và các nguồn kinh phí khác cân đối cho việc thực hiện nhiệm vụ KH&CN trong năm kế hoạch và các năm tiếp theo tương ứng với thời gian thực hiện nhiệm vụ KH&CN.

Cơ chế khoán chi đến sản phẩm cuối cùng và khoán chi từng phần đối với nhiệm vụ KH&CN sử dụng NSNN được thực hiện theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Nghị định số 95/2014/NĐ-CP, được cụ thể hóa tại Thông tư liên tịch số 27/2015/TTLT-BKHCN-BTC. Nội dung khoán chi tại Thông tư liên tịch số 27/2015/TTLT-BKHCN-BTC được thực hiện theo tinh thần quản lý thực hiện nhiệm vụ KH&CN dựa vào hiệu quả hoạt động và kết quả đầu ra.

Về cơ bản, các tổ chức được giao kinh phí thực hiện các nhiệm vụ KH&CN sử dụng NSNN đã sử dụng tiết kiệm, hiệu quả nguồn kinh phí vào mục đích nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ. Công tác thanh quyết toán kinh phí đầy đủ, kịp thời, đúng chế độ. Công tác quản lý việc sử dụng kinh phí cơ bản chặt chẽ, đúng chế độ, chính sách quy định. Thực hiện nghiêm túc, đầy đủ việc báo cáo theo yêu cầu của Đảng, Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và các cơ quan có liên quan đảm bảo chất lượng và tiến độ yêu cầu.

2. Về đầu tư kinh phí chi sự nghiệp KH&CN

Việc thực hiện kế hoạch và xây dựng dự toán NSNN được thực hiện theo quy định của Luật NSNN, Luật Đầu tư công, Điều 4 và Điều 5 của Nghị định số 95/2014/NĐ-CP và các văn bản hướng dẫn có liên quan.

Việc phân bổ giao dự toán NSNN, quản lý và sử dụng kinh phí chi sự nghiệp KH&CN đảm bảo nguồn lực thực hiện đầy đủ, kịp thời các hoạt động KH&CN, cơ bản đáp ứng yêu cầu hoạt động của ngành KH&CN. Tuy nhiên, trong bối cảnh cân đối chi NSNN còn khó khăn, chi thường xuyên cho hoạt động KH&CN được Quốc hội thông qua trung bình trong giai đoạn 2016-2020 vào khoảng 0,79% tổng chi NSNN.

3. Về tình hình phân bổ, sử dụng chi sự nghiệp cho KH&CN

a) Kinh phí sự nghiệp KH&CN trung ương tập trung đầu tư để triển khai một số nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia, cấp bộ, trong đó nhiệm vụ cấp quốc gia trọng tâm bao gồm: (i) Triển khai thực hiện các Chương trình KH&CN cấp Quốc gia; (ii) Hỗ trợ triển khai các nhiệm vụ KH&CN thuộc các Chương trình/Đề án KH&CN trọng điểm cấp Nhà nước được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và giao cho các Bộ ngành thực hiện; (iii) Chương trình KH&CN phục vụ Chương trình Mục tiêu quốc gia về Nông thôn mới; (iv) triển khai Chương trình ứng dụng khoa học và công nghệ phục vụ phát triển kinh tế-xã hội vùng nông thôn và miền núi;

và (v) Các nhiệm vụ KH&CN trọng tâm đã được thống nhất trong Chương trình phối hợp công tác giữa Bộ KH&CN với các bộ, cơ quan trung ương và địa phương; các Chương trình trọng điểm, nhiệm vụ cấp bách do các cấp có thẩm quyền giao; tăng cường năng lực nghiên cứu và sửa chữa chống xuống cấp của các tổ chức KH&CN...

b) Kinh phí SNKH địa phương: Qua số liệu tổng hợp, thực tế kiểm tra, khảo sát tại một số địa phương có thể nhận thấy, trong điều kiện kinh tế, ngân sách nhà nước (NSNN) còn khó khăn nhưng các địa phương luôn quan tâm đầu tư cho hoạt động KH&CN, trong đó nguồn ngân sách sự nghiệp chi cho KH&CN được nhiều địa phương bố trí cao hơn số Trung ương giao. Hầu hết các địa phương đều sử dụng hết số kinh phí được UBND tỉnh/thành phố phê duyệt.

Theo báo cáo, các địa phương dành 60 - 70% kinh phí sự nghiệp KH&CN cho công tác nghiên cứu, ứng dụng. Với chủ trương hoạt động nghiên cứu triển khai phải tập trung theo hướng ứng dụng là chính vì thế các địa phương đã rất chú trọng công tác này, nhất là đối với các kết quả có khả năng thúc đẩy tăng năng suất, chất lượng các sản phẩm chủ lực, sản phẩm có thế mạnh của địa phương và của Vùng.

Trong kinh phí sự nghiệp KH&CN, chi thường xuyên đảm bảo duy trì hoạt động và sở vật chất của các tổ chức KH&CN công lập, hỗ trợ một phần kinh phí triển khai các nhiệm vụ KH&CN cho các tổ chức KH&CN ngoài công lập, duy trì và trả lương cho nhân lực KH&CN ở khu vực nhà nước. Chi nhiệm vụ KH&CN cấp bộ, cấp tỉnh nhằm giải quyết các vấn đề KH&CN theo yêu cầu phát triển của ngành, địa phương phục vụ quản lý nhà nước của bộ, ngành, lĩnh vực, địa phương và đóng góp vào phát triển kinh tế - xã hội.

4. Về tình hình phân bổ, sử dụng chi đầu tư phát triển cho KH&CN

Về nguồn vốn đầu tư, Bộ Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm hướng dẫn, tổng hợp kế hoạch vốn và phương án phân bổ vốn đầu tư KH&CN cho các bộ, cơ quan trung ương và các địa phương. Bộ KH&CN không có thông tin trong quá trình phân bổ nguồn vốn này. Tuy nhiên, theo số liệu tổng hợp báo cáo từ các địa phương, tổng ngân sách sự nghiệp chi cho đầu tư phát triển KH&CN giai đoạn 2016-2020 là 10.627,7 tỷ đồng. Thống kê theo từng Vùng cho thấy, cao nhất là Vùng Đông Nam Bộ 6.544,9 tỷ đồng (chiếm 61,58%), tiếp đến vùng Đồng bằng Sông Hồng 1.559,5 tỷ đồng (chiếm 14,67%), thấp nhất là vùng Nam Trung Bộ 177,7 tỷ đồng (chiếm 1,67%).

5. Về trích lập và sử dụng Quỹ phát triển KH&CN của doanh nghiệp (Quỹ)

Giai đoạn 2015-2021, theo thống kê của Tổng Cục thuế - Bộ Tài chính, số tiền và số doanh nghiệp trích lập Quỹ không nhiều; việc sử dụng số tiền từ Quỹ chỉ cho hoạt động KH&CN chỉ đạt 60%. Cụ thể số tiền trích lập Quỹ cả nước đạt trên 23.000 tỷ đồng và sử dụng trên 14.000 tỷ đồng đã góp phần thúc đẩy phát triển hoạt động KH&CN và phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Một số doanh nghiệp đã chủ động trích lập và sử dụng hiệu quả nguồn

lực này cho hoạt động KH&CN&ĐMST của doanh nghiệp.

Sau khi Quốc hội thông qua Nghị quyết số 43/2022/QH15 ngày 11/01/2022 về chính sách tài khoá, tiền tệ hỗ trợ Chương trình phục hồi và phát triển KT-XH (sau đây gọi tắt là Nghị quyết số 43/2022/QH15), Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 30/01/2022 về Chương trình phục hồi và phát triển KT-XH để triển khai Nghị quyết số 43/2022/QH15, theo đó, Chính phủ đã giao nhiệm vụ cho Bộ Tài chính và Bộ KH&CN “*khẩn trương sửa đổi các nội dung thuộc lĩnh vực quản lý tại Thông tư số 12/2016/TTLT-BKHCN-BTC ngày 28/6/2016 trong Quý I năm 2022 để kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong sử dụng Quỹ phát triển KH&CN của doanh nghiệp*”¹. Đồng thời, Nghị quyết số 11/NQ-CP cũng nêu rõ “*trường hợp cần thiết phải sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành văn bản quy phạm pháp luật mới thì thực hiện theo trình tự, thủ tục rút gọn*”².

Triển khai Nghị quyết của Quốc hội, của Chính phủ, Bộ KH&CN đã chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính xây dựng, ban hành Thông tư số 05/2022/TT-BKHCN ngày 31/5/2022 của Bộ KH&CN về hướng dẫn sử dụng quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp (sau đây gọi tắt là Thông tư số 05/2022/TT-BKHCN) sửa đổi Thông tư liên tịch số 12/2016/TTLT-BKHCN-BTC. Theo đó, Thông tư số 05/2022/TT-BKHCN tập trung sửa đổi, bổ sung các quy định tại Điều 4, Điều 5, Điều 6, Điều 7, Điều 8, Điều 9, Điều 10, Điều 11, Điều 12, Điều 13, Điều 14 và Điều 17 của Thông tư liên tịch số 12/2016/TTLT-BKHCN-BTC và bổ sung các hướng dẫn về nội dung chi được quy định tại Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ (sau đây gọi là CGCN); Nghị định số 13/2019/NĐ-CP ngày 01/02/2019 về doanh nghiệp KH&CN. Cụ thể như sau:

(1) *Đối với nội dung chi cho nhiệm vụ KH&CN do doanh nghiệp chủ trì hoặc phối hợp*: Khoản 1 Điều 3 Thông tư số 05/2022/TT-BKHCN quy định Quỹ bố trí vốn đối ứng theo tiến độ thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia, cấp bộ, cấp tỉnh do doanh nghiệp chủ trì hoặc phối hợp thực hiện trên cơ sở hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ đã được ký kết và trên cơ sở thuyết minh nhiệm vụ đã được phê duyệt theo quy định pháp luật về KH&CN.

(2) *Đối với nội dung chi hỗ trợ phát triển KH&CN của doanh nghiệp*: Điều 4 Thông tư số 05/2022/TT-BKHCN quy định chi tiết 9 nội dung chi³, trong đó cụ

¹ Điểm m, mục 3 và mục 14 Phần IV.

² Điểm d mục 1 Phần I.

³ (1) Chi đầu tư cơ sở vật chất – kỹ thuật cho hoạt động KH&CN của doanh nghiệp; (2) Chi mua quyền sử dụng, quyền sở hữu: bí quyết công nghệ; kiến thức kỹ thuật về công nghệ; giải pháp hợp lý hóa sản xuất, đổi mới công nghệ; bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích; giống cây trồng; kiểu dáng công nghiệp; (3) Chi mua máy móc, thiết bị cho đổi mới công nghệ phục vụ trực tiếp hoạt động sản xuất, kinh doanh để thay thế một phần hay toàn bộ công nghệ đã, đang sử dụng bằng công nghệ khác tiên tiến hơn nhằm nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm hoạt cải tiến phát triển sản phẩm mới của doanh nghiệp; (4) Chi cho trả lương, chi thuê chuyên gia hoặc hợp đồng

thể hóa các nội dung chi của Quỹ hơn so với Thông tư liên tịch số 12/2016/TTLT-BKHCN-BTC. Đặc biệt là quy định nội dung chi mua máy móc, thiết bị cho đổi mới công nghệ phục vụ trực tiếp hoạt động sản xuất, kinh doanh để thay thế một phần hay toàn bộ công nghệ đã, đang sử dụng bằng công nghệ khác tiên tiến hơn nhằm nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm hoặc cải tiến phát triển sản phẩm mới của doanh nghiệp; bổ sung nội dung chi mua nguyên vật liệu theo Nghị quyết số 43/2022/QH15 ngày 11/01/2022 của Quốc hội về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ chương trình phục hồi và phát triển KT-XH; bổ sung thêm nội dung chi tài trợ, hỗ trợ kinh phí thực hiện các nhiệm vụ thuộc Đề án “Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo (ĐMST) quốc gia đến năm 2025”.

(3) Đối với nội dung chi thực hiện hoạt động CGCN: Điều 5 Thông tư số 05/2022/TT-BKHCN đã quy định chi tiết 5 nội dung chi mới⁴, cụ thể hóa Nghị quyết số 43/2022/QH15 và bổ sung nội dung chi theo Điều 28 Nghị định 76/2018/NĐ-CP bằng nguồn chi của Quỹ.

(4) Thông tư số 05/2022/TT-BKHCN cũng đã bãi bỏ các thủ tục thành lập Hội đồng KH&CN của doanh nghiệp, theo đó doanh nghiệp tự quyết định về loại hình, tiêu chuẩn, số lượng thành viên hội đồng để tư vấn cho Quỹ trong hoạt động quản lý, sử dụng Quỹ đầu tư cho nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ. Nhiều doanh nghiệp đã rất chủ động và linh hoạt trong lựa chọn chuyên gia, quy định số lượng chuyên gia trong từng hội đồng khoa học, thậm chí có doanh nghiệp đã chủ động phối hợp với các hội đồng KH&CN của địa phương để đảm bảo chặt chẽ về mặt pháp lý khi sử dụng Quỹ⁵.

Như vậy, đối với những vướng mắc về nội dung chi, thủ tục trích lập Quỹ, quản lý và sử dụng Quỹ, Thông tư số 05/2022/TT-BKHCN và Thông tư số 67/2022/TT-BKHCN thay thế Thông tư liên tịch số 12/2016/TTLT-BKHCN-BTC về cơ bản đã tháo gỡ các vướng mắc chính trước đây của các doanh nghiệp trong việc sử dụng Quỹ cho các khoản chi tiêu lớn như chi tiêu để đổi mới, chuyển giao công nghệ hay mua sắm nguyên vật liệu phục vụ sản xuất, đồng thời cũng

với tổ chức KH&CN trong và ngoài nước để thực hiện các hoạt động KH&CN của doanh nghiệp; (5) Chi cho đào tạo nhân lực KH&CN của doanh nghiệp; (6) Chi cho hoạt động sáng kiến; (7) Chi cho hoạt động hợp tác về KH&CN với các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp trong nước và ngoài nước; (8) Chi cho đánh giá, thử nghiệm, giám định, kiểm định, quảng bá, thương mại hóa sản phẩm mới, công nghệ mới; chi đăng ký quyền sở hữu trí tuệ; (9) Chi cho tài trợ, hỗ trợ kinh phí thực hiện các nhiệm vụ thuộc Đề án “Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo (ĐMST) quốc gia đến năm 2025”.

⁴ Chi thực hiện dự án thuộc ngành, nghề ưu đãi đầu tư, địa bàn ưu đãi đầu tư nhận CGCN từ tổ chức KH&CN theo Điều 8 và Điều 9 Nghị định số 76/2018/NĐ-CP; Chi đầu tư, đối ứng vốn đầu tư cho khởi nghiệp ĐMST; Chi cho đổi mới công nghệ, ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp KH&CN, thương mại hóa kết quả nghiên cứu KH&CN; giải mã công nghệ, đầu tư cơ sở vật chất kỹ thuật cho hoạt động giải mã công nghệ và thuê tổ chức, cá nhân trong nước, ngoài nước để tư vấn, quản lý hoạt động đầu tư của Quỹ KH&CN của doanh nghiệp; Chi mua sắm, nhập khẩu vật mẫu phục vụ hoạt động giải mã công nghệ; Chi hỗ trợ tổ chức KH&CN của doanh nghiệp có liên kết với tổ chức ứng dụng, CGCN địa phương để hoàn thiện kết quả nghiên cứu KH&CN phù hợp với đặc thù địa phương; Chi đào tạo bồi dưỡng nâng cao năng lực hấp thụ, làm chủ công nghệ.

⁵ Tập đoàn công nghiệp cao su Việt Nam.

tăng sự chủ động, tự chủ của các doanh nghiệp trong việc quyết định sử dụng Quỹ trong các hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ. Đồng thời, Thông tư số 05/2022/TT-BKHCN cũng quy định cụ thể hơn về thủ tục yêu cầu hỗ trợ từ Quỹ phát triển KH&CN của quốc gia, của bộ, ngành và địa phương cho hoạt động nghiên cứu khoa học của doanh nghiệp.

Theo số liệu về tình hình trích lập và sử dụng Quỹ năm 2022 do Tổng cục thuế cung cấp tại Văn bản số 4873/TCT-KK ngày 01/11/2023, có khoảng 220 doanh nghiệp trích lập và sử dụng Quỹ trong năm 2022 với tổng số tiền trích lập là khoảng 6.500 tỷ đồng; số Quỹ được sử dụng khoảng 3.200 tỷ đồng (*trong đó số Quỹ được sử dụng từ nguồn trích lập Quỹ trong các năm lần lượt là: năm 2017 là 233 tỷ đồng, năm 2018 là 320 tỷ đồng, năm 2019 là 34 tỷ đồng, năm 2020 là 1.736 tỷ đồng, năm 2021 là 53 tỷ đồng và năm 2022 là khoảng 848 tỷ đồng*). So sánh với năm 2021 (có 254 doanh nghiệp trích lập và sử dụng Quỹ với tổng số tiền trích lập là 3.349 tỷ đồng, số Quỹ được sử dụng là 684 tỷ đồng) cho thấy số liệu về trích lập và sử dụng Quỹ năm 2022 đã có sự gia tăng đáng kể so với năm 2021. Đối với tình hình trích lập và sử dụng Quỹ năm 2023 do Tổng cục thuế cung cấp tại Văn bản số 5072/TCT-KK ngày 07/11/2024, có khoảng 170 doanh nghiệp trích lập Quỹ với tổng số tiền trích lập là 5.879 tỷ đồng, có hơn 200 doanh nghiệp sử dụng Quỹ với tổng số tiền sử dụng là 4.363 tỷ đồng (*trong đó số Quỹ được sử dụng từ nguồn trích lập Quỹ trong các năm lần lượt là: năm 2018 là 2.335 tỷ đồng, năm 2019 là 145 tỷ đồng, năm 2020 là 1.575 tỷ đồng, năm 2021 là 53 tỷ đồng, năm 2022 là 106 tỷ đồng và năm 2023 là 150 tỷ đồng*).

Như vậy, thông qua số liệu về tình hình trích lập và sử dụng Quỹ trong năm 2022 và năm 2023, cho thấy việc điều chỉnh chính sách về quản lý và sử dụng Quỹ theo yêu cầu Nghị quyết số 43/2022/QH15 của Quốc hội đã đem lại những kết quả tích cực, đáp ứng nhu cầu của doanh nghiệp trong hoạt động nghiên cứu khoa học và đổi mới công nghệ trong giai đoạn hiện nay.

II. Tồn tại, hạn chế

1. Về đầu tư cho hoạt động KH&CN

1.1. Về chi đầu tư phát triển KH&CN: Theo quy định tại Điều 4 của Nghị định số 95/2014/NĐ-CP, mục tiêu chi phát triển tiềm lực KH&CN, đầu tư và hỗ trợ xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật cho các tổ chức KH&CN không phân biệt thành phần kinh tế. Trong quá trình thực hiện còn một số hạn chế, tồn tại sau: (1) Phân bổ vốn đầu tư còn chồng chéo, dàn trải, chưa tập trung vào các lĩnh vực ưu tiên theo Chiến lược phát triển KH&CN theo từng giai đoạn được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt (Quyết định số 569/QĐ-TTg ngày 11/5/2022 về Chiến lược phát triển KH&CN đến năm 2030; Quyết định số 418/QĐ-TTg ngày 11/4/2012 phê duyệt Chiến lược phát triển KH&CN giai đoạn 2011-2020). Nguyên nhân khi phân bổ vốn đầu tư chưa tuân thủ đầy đủ nguyên tắc, còn dàn trải, trùng lặp, chưa đáp ứng theo định hướng mục tiêu chiến lược KH&CN, kế hoạch trung hạn đã được xác định. (2) Nội dung chi sự nghiệp KH&CN quy định tại điểm m khoản 2 Điều 4 chỉ gồm “m) Chi cho công tác duy

tu, bảo dưỡng, sửa chữa cơ sở vật chất – kỹ thuật và trang thiết bị phục vụ hoạt động KH&CN”. Tuy nhiên trong thực tế, việc đầu tư tăng cường năng lực nghiên cứu bao gồm mua sắm máy móc, trang thiết bị nghiên cứu của các tổ chức KH&CN đang được lập dự toán và phân bổ bằng nguồn sự nghiệp KH&CN, việc mua sắm trang thiết bị máy móc chưa thực hiện theo Luật Đầu tư công. (3) Việc đầu tư và duy trì hoạt động các phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia chưa được quan tâm đúng mức, kinh phí còn dàn trải, thiếu tập trung và hiệu quả hoạt động chưa cao.

1.2. Về chi sự nghiệp KH&CN: (1) Cơ chế quản lý tài chính đối với các tổ chức KH&CN, nhất là các tổ chức sự nghiệp công lập thực hiện chức năng nghiên cứu để tham mưu chính sách phục vụ quản lý nhà nước là chưa phù hợp dẫn đến đơn vị gặp khó khăn, vướng mắc trong quyền tự chủ về kế hoạch, tài chính, nhân lực và hợp tác quốc tế để phát huy tính năng động, sáng tạo, thu hút nguồn nhân lực có trình độ cao trong nghiên cứu. (2) Kinh phí chi thường xuyên và các nhiệm vụ theo chức năng của các tổ chức KH&CN công lập được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 4 Nghị định số 95/2014/NĐ-CP không được quy định và điều chỉnh bởi Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập. (3) Quy trình phân bổ kinh phí thực hiện các nhiệm vụ KH&CN theo quy định tại khoản 3 Điều 5 vào các Quỹ KH&CN các cấp chưa được thực hiện do các Quỹ phát triển KH&CN của Bộ, ngành, địa phương theo Điều 7 của Nghị định về cơ bản chưa được thành lập. (4) Hoạt động của các Quỹ phát triển KH&CN còn hạn chế, chưa phát huy đầy đủ tiềm năng do còn vướng mắc cơ chế hoạt động, cơ chế tài chính theo các quy định của pháp luật về KH&CN và NSNN.

1.3. Về sự phân định khác biệt giữa chi tăng cường năng lực nghiên cứu sử dụng chi đầu tư phát triển và chi mua sắm máy móc, trang thiết bị sử dụng chi sự nghiệp: Trong quá trình thực thi Nghị định 95/2014/NĐ-CP, quy định về chi đầu tư phát triển khoa học và công nghệ (điểm a khoản 1 Điều 4 Nghị định số 95/2014/NĐ-CP) và chi sự nghiệp khoa học và công nghệ (điểm m khoản 2 Điều 4 Nghị định số 95/2014/NĐ-CP) chưa có sự phân định khác biệt giữa chi tăng cường năng lực nghiên cứu sử dụng chi đầu tư phát triển và chi mua sắm máy móc, trang thiết bị sử dụng chi sự nghiệp. Tại Tờ trình số 3181/TTr-BKHCN ngày 22/7/2016 của Bộ KH&CN báo cáo Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 95/2014/NĐ-CP, Bộ KH&CN đã báo cáo: “Nếu việc tăng cường trang thiết bị mới chỉ sử dụng kinh phí đầu tư phát triển theo quy định của Luật Đầu tư công thì các dự án này phải nằm trong kế hoạch trung hạn, vì vậy, không đáp ứng kịp thời nhu cầu nghiên cứu khoa học của các tổ chức KH&CN. Mặt khác, trong những năm qua (trước thời điểm Nghị định số 95/2014/NĐ-CP có hiệu lực thi hành) và hiện nay, một phần kinh phí sự nghiệp KH&CN đang được cân đối cho các dự án tăng cường năng lực về trang thiết bị cho nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ của các bộ, ngành và địa phương.”

Theo ý kiến của Kiểm toán Nhà nước⁶, một số dự án tăng cường năng lực nghiên cứu của tổ chức khoa học là mua sắm máy móc thiết bị phục vụ công tác nghiên cứu khoa học, việc báo cáo xin phê duyệt dự án đầu tư đòi hỏi mất nhiều thời gian, nguồn lực và phải nằm trong kế hoạch trung hạn, vì vậy dẫn đến không đáp ứng kịp thời nhu cầu nghiên cứu khoa học của các tổ chức KH&CN. Luật NSNN có quy định về việc Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết định mức phân bổ chi đầu tư, chi thường xuyên ngân sách nhà nước áp dụng cho mỗi thời kỳ ổn định ngân sách. Tại các Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quyết định về định mức phân bổ chi thường xuyên áp dụng cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị dự toán đều có nội dung quy định định mức phân bổ chi thường xuyên đã bao gồm kinh phí bảo dưỡng, bảo trì, sửa chữa thường xuyên các công trình cơ sở hạ tầng, tài sản phục vụ công tác chuyên môn; kinh phí mua sắm, thay thế trang thiết bị, phương tiện làm việc của cán bộ, công chức theo quy định; kinh phí cho một số nhiệm vụ không thường xuyên theo quy định. Thông báo số 3307/TB-TTKQH ngày 18/01/2024 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc giải thích quy định tại khoản 1 Điều 6 của Luật Đầu tư công theo hướng: “Điều 6 của Luật Đầu tư công không quy định nhiệm vụ, khoản chi nào phải dùng vốn đầu tư công, không quy định chi sử dụng vốn đầu tư công để thực hiện các dự án đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp, mở rộng dự án đã đầu tư xây dựng; mua sắm tài sản; mua, sửa chữa, nâng cấp trang thiết bị, máy móc. Ủy ban Thường vụ Quốc hội khẳng định Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước và các luật có liên quan khác không có quy định nào cấm sử dụng chi thường xuyên để thực hiện các dự án đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp, mở rộng dự án đã đầu tư xây dựng; mua sắm tài sản; mua, sửa chữa, nâng cấp trang thiết bị, máy móc.” Vì vậy, cần có sự phân định giữa chi tăng cường năng lực nghiên cứu sử dụng chi đầu tư phát triển và chi mua sắm máy móc, trang thiết bị sử dụng chi sự nghiệp cho phù hợp cho phù hợp quy định của Luật NSNN, Luật Đầu tư công và nhu cầu thực tiễn của hoạt động KH&CN ở các tổ chức KH&CN công lập.

1.4. Về chi đầu tư phát triển cho việc xây dựng trung tâm đổi mới sáng tạo, trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo và nội dung chi sự nghiệp khoa học và công nghệ để duy trì hoạt động của các trung tâm:

Kết luận số 69-KL/TW ngày 11/01/2024 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW, ngày 01/11/2012 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XI về phát triển khoa học và công nghệ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế “*Phát triển các trung tâm và mạng lưới đổi mới sáng tạo, trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo, hình thành các cụm liên kết đổi mới sáng tạo với khu công nghệ cao, trung tâm tài chính, quỹ đầu tư mạo hiểm, trường đại học, viện nghiên cứu; triển khai các hoạt động đào tạo kiến thức, kỹ năng về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong các cơ sở giáo dục; xây dựng các vườn ươm công nghệ, nền tảng đổi mới sáng tạo mở, mạng lưới đổi mới sáng tạo mở;*”

⁶ Công văn số 324/KTNN-CNIII ngày 20/3/2024 của Kiểm toán Nhà nước về việc tham gia ý kiến dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 95/2014/NĐ-CP

Nghị quyết số 100/2023/QH15 ngày 24/6/2023 của Quốc hội về hoạt động chất vấn kỳ họp thứ 5 Quốc hội khóa XV tại mục 2.3 đã đề ra nhiệm vụ: “*Hình thành hệ thống các trung tâm đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; trong năm 2023, thành lập các trung tâm khởi nghiệp sáng tạo quốc gia tại Hà Nội, Đà Nẵng và Thành phố Hồ Chí Minh.*”

Chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đến năm 2030 đã được phê duyệt tại Quyết định số 569/QĐ-TTg ngày 11/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ: “*b) Phát triển hệ thống các trung tâm đổi mới sáng tạo quốc gia, các trung tâm đổi mới sáng tạo ngành, vùng, các trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo nhằm phát triển, tích hợp hình thành các cụm liên kết đổi mới sáng tạo với các khu công nghệ cao, khu dân cư, trung tâm tài chính, quỹ đầu tư mạo hiểm, trường đại học, viện nghiên cứu.*” (điểm b khoản 2 mục IV).

Tuy nhiên, hiện nay, khái niệm về “*trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo*” chưa được quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật. Về các khái niệm liên quan tới khởi nghiệp sáng tạo, Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa đã có quy định về khái niệm “*doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo*”; Nghị định số 94/2020/NĐ-CP quy định cơ chế, chính sách ưu đãi đối với Trung tâm đổi mới sáng tạo quốc gia có quy định về “*đối tác hỗ trợ đổi mới sáng tạo*”; Nghị quyết số 98/2023/QH15 ngày 24/6/2023 của Quốc hội về thí điểm cơ chế, chính sách đặc thù phát triển Thành phố Hồ Chí Minh đã có khái niệm về “*tổ chức trung gian hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo*”⁷.

2. Về cơ chế quản lý tài chính cho nhiệm vụ KH&CN

Quy định về xây dựng dự toán và kinh phí quản lý nhiệm vụ KH&CN sử dụng NSNN hiện nay dù đã đổi mới nhưng chưa đáp ứng được nhu cầu, nguyện vọng của cộng đồng khoa học khi vẫn tồn tại nhiều bất cập, vướng mắc: (1) Khó khăn trong xác định ngày công khi thẩm định nhiệm vụ KH&CN, thiếu cơ sở xác định trong lĩnh vực khoa học xã hội và chưa theo học hàm học vị mà chỉ theo chức danh tham gia thực hiện, định mức ngày công đối với các thành viên tham gia còn thấp, chưa đủ để khích lệ nhà khoa học tham gia nghiên cứu, việc sử dụng hệ số nhân với mức lương cơ sở còn thấp và sẽ không phù hợp với đề án tiền lương mới theo chức danh và vị trí việc làm đang hướng tới, chưa có quy định tiêu chí để xác định số lượng thành viên và thời gian tham gia; (2) Hệ số tiền công thấp và thời gian làm thêm giờ không quá 200 giờ/năm khiến mức tiền công nghiên cứu KH&CN quá thấp, không đủ đảm bảo thu nhập và chưa phải mức đãi ngộ xứng đáng với chất xám và công sức của nhà khoa học; (3) Định mức của hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ thấp tuy nhiên vai trò rất quan trọng trong việc định hướng nghiên cứu, ra đầu bài cho nhiệm vụ; (4) Chưa có định mức tiền công thuê chuyên gia trong nước và nước ngoài nên khó khăn trong việc thương thảo hợp đồng khoán việc hay chọn chuyên gia phù hợp với mức kinh phí hội đồng sẽ chấp thuận; (4) Nhiều nhiệm vụ cần có tổ chuyên gia kỹ thuật hỗ trợ để cung cấp thông tin

⁷ Công văn số 3827/BKHĐT-KHGD TNMT ngày 20/5/2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư góp ý dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 95/2014/NĐ-CP.

cho hội đồng thẩm định, đánh giá nhiệm vụ nhưng chưa có nội dung, định mức chi; (5) Chưa có quy định trả thù lao bổ sung cho hoạt động điều phối quản lý chương trình KH&CN của các đơn vị quản lý; (6) Thực tế việc dự toán công lao động theo các chức danh nhưng khi thanh quyết toán lại là khoán chi nên cần quy định rõ hồ sơ thanh quyết toán để tránh có nhiều cách hiểu khác nhau: có cân bằng chấm công hay không, ký hợp đồng giao việc và chuyển tiền cho từng người hay cho đầu mối chịu trách nhiệm chính.

Về ban hành và thực hiện cơ chế khoán chi: Thực tế khi triển khai cơ chế khoán chi theo Thông tư số 27/2015/TTLT-BKHCN-BTC, các nhiệm vụ KH&CN chủ yếu thực hiện theo phương thức khoán chi từng phần, cơ chế khoán chi đến sản phẩm cuối cùng đã được triển khai thực hiện, nhưng không phổ biến; chủ yếu triển khai đối với các nhiệm vụ nghiên cứu cơ bản tài trợ thông qua Quỹ Nafosted⁸.

Mục tiêu của cơ chế khoán chi là giảm ràng buộc về thủ tục hành chính, chứng từ chi tiêu để các nhà khoa học có thể tập trung, chuyên tâm cho nghiên cứu khoa học; nhưng với các chính sách hiện nay, ngoài việc được tự chủ trong việc điều chỉnh dự toán các nội dung chi khoán hay điều chỉnh định mức chi của các nội dung khoán; việc chi tiêu, thanh toán các nhiệm vụ KH&CN vẫn phải chịu sự điều chỉnh của Luật Kế toán, Luật NSNN, Luật Đấu thầu. Mặc dù Thông tư số 27/2015/TTLT/BKHCN-BTC đã đơn giản thủ tục kiểm soát chi của KBNN, nhưng trách nhiệm kiểm soát chi lại giao cho các đơn vị quản lý kinh phí thuộc các Bộ, ngành và các tổ chức chủ trì; nhà khoa học vẫn phải hoàn thiện các chứng từ thực thanh, thực chi hợp pháp cho các nội dung thanh toán; vẫn phải thực hiện các thủ tục liên quan đến đấu thầu mua sắm; vẫn phải chịu trách nhiệm trước nhà nước về việc sử dụng NSNN (trong khi hiệu quả của hoạt động nghiên cứu có độ trễ, chưa được chứng minh ngay thì trách nhiệm sử dụng NSNN thường được kiểm soát bằng sự minh bạch, đầy đủ của chứng từ chi tiêu).

Việc khoán chi đến sản phẩm cuối cùng nhằm trao quyền chủ động cho chủ nhiệm nhiệm vụ; đơn giản hóa trong việc thực hiện thanh quyết toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ, được coi là bước đột phá trong việc thúc đẩy hoạt động nghiên cứu khoa học. Tuy nhiên, theo quy định tại khoản 1 Điều 15 của Nghị định số 95/2014/NĐ-CP, các đề tài, dự án phải đảm bảo “*đã xác định được rõ tên sản phẩm cụ thể, chỉ tiêu chất lượng chủ yếu của sản phẩm, đơn vị đo, mức chất lượng hoặc yêu cầu khoa học cần đạt được, số lượng hoặc quy mô sản phẩm tạo ra, địa chỉ ứng dụng*”. Nếu theo tiêu chuẩn này gần như 100% đề tài, dự án nghiên cứu đã đạt tới sản phẩm cuối cùng với số lượng hoặc quy mô sản phẩm tạo ra và địa chỉ ứng dụng. Điều này chưa phù hợp với thực tế và tính chất rủi ro của hoạt động nghiên cứu khoa học.

Sản phẩm của đề tài, nhiệm vụ KH&CN còn có nhiều yếu tố vô hình khó lượng hoá, đánh giá rõ ràng thông qua các chỉ tiêu kỹ thuật; Kho bạc nhà nước (KBNN) không thực hiện kiểm soát chi tuy nhiên khối lượng các chứng từ chi tiêu, đấu thầu mua sắm mà tổ chức chủ trì phải lưu giữ để phục vụ cho thanh, kiểm

⁸ Năm 2016 có 42 nhiệm vụ; 2017 có 77 nhiệm vụ; 2018 có 52 nhiệm vụ; 2019 có 57 nhiệm vụ; 2020 có 42 nhiệm vụ.

tra gần như không thay đổi so với phương thức khoán chi từng phần trong khi lại bị hạn chế trong việc điều chỉnh một số nội dung của nhiệm vụ;....

Khi hoạt động nghiên cứu KH&CN không được áp dụng các cơ chế đặc thù hơn so với các dòng chi khác từ NSNN (từ việc phân bổ, giao dự toán, đấu thầu, thanh quyết toán, chứng từ chi tiêu) đối với việc kiểm soát chi của KBNN; đối với sự kiểm tra của cơ quan thanh tra, kiểm toán; đối với trách nhiệm của đơn vị quản lý dự toán NSNN; ... thì rất khó có được một cơ chế tài chính thực sự đơn giản hóa, thực sự cởi trói cho các nhà khoa học trong việc thanh quyết toán kinh phí NSNN.

Về ban hành các văn bản hướng dẫn về quản lý tài chính nhiệm vụ, chương trình KH&CN: Việc ban hành một số thông tư quản lý tài chính thực hiện chương trình khoa học và công nghệ cấp quốc gia còn chậm, làm ảnh hưởng đến công tác quản lý, triển khai thực hiện Chương trình; Các quy định về thủ tục thanh, quyết toán kinh phí trong quá trình thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ còn phức tạp; Các quy định về định mức chi phân bổ, xây dựng dự toán kinh phí chưa thực sự phù hợp, chưa theo kịp bối cảnh phát triển kinh tế của đất nước (ví dụ: vấn đề về định mức ngày công, vấn đề căn cứ xác định số lượng ngày công, dự toán kinh phí có độ lệch so với thực tế tại thời điểm triển khai do quá trình xây dựng kế hoạch và triển khai các nhiệm vụ khoa học và công nghệ kéo dài...).

Về ban hành và thực hiện các quy định về xử lý tài sản hình thành từ nhiệm vụ sử dụng NSNN: Khó khăn, vướng mắc nhất hiện nay là vướng mắc trong việc triển khai áp dụng các quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công đối với xử lý tài sản hình thành từ nhiệm vụ KH&CN sử dụng vốn nhà nước (Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Nghị định số 70/2018/NĐ-CP.... và các thông tư hướng dẫn). Tài sản hình thành từ kết quả từ nhiệm vụ KH&CN có sử dụng vốn nhà nước có rất nhiều đặc thù (vô hình, hữu hình, những sản phẩm mới chưa có trên thị trường, rất nhiều loại tài sản trong các lĩnh vực khác nhau và có cả những yếu tố rủi ro); tuy nhiên cơ chế quản lý, sử dụng và xử lý tài sản hiện hành đang được xây dựng như những tài sản hữu hình từ các ban quản lý dự án sử dụng vốn nhà nước mà chưa phù hợp với đặc thù của các sản phẩm KH&CN. Dẫn đến có nhiều bất cập, như: xác định phạm vi tài sản trang bị cần xử lý; cơ chế tính hao mòn/khấu hao của tài sản trang bị; quy trình, thủ tục, thẩm quyền xử lý tài sản; việc xác định giá tài sản là kết quả của các nhiệm vụ KH&CN chưa phù hợp với đặc điểm của loại tài sản này, tiềm ẩn nhiều rủi ro pháp lý cho người thực hiện; quy định về thương mại hoá tài sản là kết quả của nhiệm vụ KN&CN chưa rõ, chưa phù hợp và khó thực hiện; quy định về đối tượng được nhận giao tài sản là kết quả từ các nhiệm vụ KH&CN còn hạn chế... Đây cũng là những hạn chế ảnh hưởng đến công tác nghiên cứu KH&CN và việc quản lý, khai thác có hiệu quả tài sản hình thành từ các nhiệm vụ KH&CN.

Về xây dựng và thực hiện các quy định về thương mại hoá kết quả nghiên cứu: theo thông lệ quốc tế, khoản kinh phí NSNN cấp cho các đề tài là các khoản hỗ trợ, không phải là các khoản đầu tư, không tính toán phân chia lợi nhuận như các khoản đầu tư. Theo đó các viện, trường, doanh nghiệp của các nước được chủ

động thương mại hóa các kết quả nghiên cứu và tự chủ về nguồn thu từ hoạt động này. Ở nước ta, các khoản chi từ NSNN cho các đề tài là khoản đầu tư từ NSNN, được tính toán phân chia lợi nhuận từ kết quả của hoạt động đầu tư. Việc định giá và phân chia lợi nhuận tiềm ẩn nhiều rủi ro vi phạm pháp luật cũng là một trong những nguyên nhân của việc tỷ lệ thương mại hóa kết quả nghiên cứu thấp.

Về việc thương mại hoá các kết quả nghiên cứu, theo thông lệ chung trên thế giới thì kết quả nghiên cứu của đề tài (không bao gồm nghiên cứu cơ bản) được phân thành 03 nhóm là: (1) có thể thương mại hóa ngay sau kết thúc nghiên cứu; (2) các kết quả cần tiếp tục nghiên cứu hoàn thiện từ quy mô pilot để có thể thương mại hóa và (3) Đề tài không thành công. Qua rà soát đánh giá các Luật và văn bản hướng dẫn thi hành liên quan đến thương mại hóa kết quả nghiên cứu, Bộ KH&CN nhận thấy đang tồn tại một số vấn đề trái với quy luật phát triển khách quan của KH&CN; trái với thông lệ và thực tiễn pháp lý của các nước phát triển khi họ ở cùng ngưỡng trình độ công nghệ tương tự Việt Nam hiện nay. Các vướng mắc đang tạo ra điểm nghẽn của việc đưa kết quả nghiên cứu vào trong khu vực sản xuất kinh doanh bao gồm: (i) Vướng mắc về giao quyền sử dụng hoặc sở hữu tài sản hình thành từ nhiệm vụ KH&CN sử dụng NSNN; (ii) Vướng mắc trong định giá kết quả nghiên cứu, tài sản trí tuệ là kết quả của nhiệm vụ KH&CN sử dụng NSNN; (iii) Vướng mắc về phân chia lợi nhuận thu được từ thương mại hoá kết quả nghiên cứu, tài sản trí tuệ tạo ra từ nhiệm vụ KH&CN sử dụng NSNN; (iv) Vướng mắc về cơ chế thành lập doanh nghiệp khởi nguồn trên cơ sở nghiên cứu của đơn vị sự nghiệp công lập; (v) Vướng mắc trong cơ chế góp vốn và tổ chức hoạt động của doanh nghiệp dạng khởi nguồn công nghệ (spin-off) từ viện nghiên cứu, trường đại học.

3. Về trích lập và sử dụng Quỹ phát triển KH&CN của doanh nghiệp

Chưa bình đẳng về quy định tỉ lệ trích lập Quỹ giữa các doanh nghiệp: Cùng là doanh nghiệp nhưng doanh nghiệp nhà nước phải trích lập từ 3-10% lợi nhuận trước thuế, trong khi các doanh nghiệp khác thì chỉ quy định trích lập tối đa 10%, thậm chí không trích lập Quỹ. Điều này đi ngược lại chính sách khuyến khích huy động nguồn lực đầu tư cho nghiên cứu khoa học và đổi mới công nghệ trong doanh nghiệp.

Tỉ lệ trích lập Quỹ chưa phù hợp cơ cấu và quy mô doanh nghiệp Việt Nam: Đặc thù ở Việt Nam, doanh nghiệp nhỏ và vừa chiếm đa số, nguồn thu nhập trước thuế của các doanh nghiệp này không lớn, nếu áp dụng cùng tỉ lệ trích lập Quỹ tối đa 10%/năm thì số tiền trích lập Quỹ đối với các doanh nghiệp nhỏ và vừa là rất nhỏ, cho dù có cộng dồn 5 năm vẫn không đủ để doanh nghiệp đầu tư cho nghiên cứu khoa học và đổi mới công nghệ. Mặt khác, doanh nghiệp FDI có nhu cầu và tốc độ nghiên cứu khoa học, chuyên giao công nghệ rất lớn nhưng qua khảo sát thực tế gần như không có doanh nghiệp FDI nào trích lập Quỹ này. Điều này cho thấy các quy định về việc khuyến khích trích lập và sử dụng Quỹ chưa đủ hấp dẫn doanh nghiệp.

Chế tài xử lý vi phạm pháp luật về Quỹ chưa đồng bộ và chặt chẽ: Thiếu chế

tài xử lý doanh nghiệp nhà nước không trích lập hoặc trích lập không đủ tỉ lệ tối thiểu 3% theo quy định dẫn đến tình trạng tỉ lệ doanh nghiệp trích lập Quỹ và số tiền Quỹ được trích lập đều rất thấp.

Quy định pháp luật về Quỹ chưa phù hợp với pháp luật về doanh nghiệp: Khoản 11 Điều 4 Luật doanh nghiệp 2020 quy định “Doanh nghiệp nhà nước bao gồm các doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ...”, trong khi pháp luật về Quỹ lại căn cứ theo Luật Doanh nghiệp 2014, theo đó “doanh nghiệp nhà nước là doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ”. Điều này dẫn đến bất cập trong việc xử lý vi phạm về trích lập Quỹ của doanh nghiệp nhà nước có tỉ lệ trích lập Quỹ tối thiểu trong năm thấp hơn 3%.

Việc trích lập Quỹ đôi khi làm ảnh hưởng đến tiêu chí đánh giá, xếp loại doanh nghiệp: Một trong những tiêu chí để đánh giá hiệu quả hoạt động và xếp loại doanh nghiệp quy định tại Điều 28 Nghị định số 87/2015/NĐ-CP ngày 06/10/2015 của Chính phủ về giám sát đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp; giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính của doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước (Nghị định số 87/2015/NĐ-CP) là tiêu chí doanh thu, lợi nhuận sau thuế, tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu... Việc trích lập, tăng trích lập Quỹ sẽ ảnh hưởng đến lợi nhuận sau thuế và tăng trưởng lợi nhuận sau thuế của doanh nghiệp, trực tiếp ảnh hưởng đến đánh giá hiệu quả hoạt động và xếp loại doanh nghiệp nhà nước. Thực tế cho thấy, doanh nghiệp e ngại về rủi ro pháp lý sẽ ảnh hưởng đến quyền lợi cổ đông, thương hiệu, uy tín và xếp hạng doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp niêm yết trên sàn chứng khoán do quy định phải nộp thuế và tiền chậm nộp cho số Quỹ chi không hết sau 05 năm.

Về trích lập Quỹ, trên cơ sở quy định của pháp luật, các doanh nghiệp thực hiện việc trích lập Quỹ, trong đó tập trung chủ yếu tại một số doanh nghiệp nhà nước quy mô lớn, hoạt động hiệu quả. Cụ thể: tổng số trích lập của 10 doanh nghiệp trích lập Quỹ lớn nhất là 16.069 tỷ đồng trên tổng số trích lập 21.950 tỷ đồng, chiếm 73.2% tổng số trích lập Quỹ của cả nước. Về sử dụng Quỹ, tỷ lệ sử dụng Quỹ tại các doanh nghiệp nhà nước lớn là rất thấp, ví dụ như: Tập đoàn VNPT mới sử dụng được 11%, Tập đoàn Viettel ở mức cao hơn khoảng 47%, Tập đoàn MobiFone không giải ngân được trong giai đoạn 2018-2021, Tổng công ty SCIC không giải ngân được trong giai đoạn 2016-2020⁹.

Theo ý kiến của Tổ Công tác của Thủ tướng Chính phủ về rà soát hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về việc triển khai Nghị quyết Kỳ họp thứ 6, Quốc hội khoá XV về xem xét, xử lý kết quả hệ thống văn bản quy phạm pháp luật¹⁰: Trên thực tế nhu cầu và quy mô đầu tư, phát triển khoa học công nghệ của doanh nghiệp nhà nước là khác nhau tại từng doanh nghiệp và tại từng thời điểm cụ thể. Do đó, việc quy định doanh nghiệp nhà nước bắt buộc phải trích lập Quỹ phát triển khoa học và công nghệ (tối thiểu 3% thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp) là chưa

⁹ Công văn số 3827/BKHĐT-KHGD TNMT ngày 20/5/2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư góp ý dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 95/2014/NĐ-CP.

¹⁰ Tại Công văn số 727/TCT ngày 06/02/2024 của Tổ công tác.

thực sự phù hợp. Trong khi đó, theo điểm a khoản 5 Điều 11 Nghị định 95/2014/NĐ-CP hướng dẫn Luật Khoa học và Công nghệ, trường hợp doanh nghiệp nhà nước chưa có nhu cầu sử dụng hoặc sử dụng không hết 70% trong thời hạn 5 năm kể từ năm trích lập của Quỹ thì doanh nghiệp phải nộp về Quỹ phát triển khoa học và công nghệ quốc gia hoặc của cơ quan chủ quản. Dẫn đến khả năng phát sinh trường hợp doanh nghiệp quản lý, sử dụng vốn nhà nước không hiệu quả. Trong khi đó, để đáp ứng nhiệm vụ nâng cao năng lực khoa và công nghệ của doanh nghiệp theo quy định của Luật Khoa học và Công nghệ, doanh nghiệp hoàn toàn có thể sử dụng nguồn vốn của doanh nghiệp để thực hiện các nhiệm vụ này mà không nhất thiết phải tiến hành trích lập Quỹ phát triển khoa học và công nghệ. Ngoài ra, hiện nay trên thực tế nhiều doanh nghiệp chưa có đủ các điều kiện về nguồn lực tài chính, con người, cơ sở vật chất để phục vụ cho việc quản lý và sử dụng Quỹ phát triển khoa học và công nghệ theo quy định. Do vậy, Tổ Công tác kiến nghị sửa đổi, bổ sung Luật Khoa học và Công nghệ và các văn bản hướng dẫn thi hành theo hướng khuyến khích (không bắt buộc) doanh nghiệp nhà nước phải trích lập Quỹ phát triển khoa học và công nghệ để tháo gỡ vướng mắc thực tế cho doanh nghiệp.

Thời gian hiệu lực của Nghị quyết số 43/2022/QH15 của Quốc hội về cơ bản không đủ thời gian để doanh nghiệp triển khai, thực hiện mua máy móc, thiết bị đổi mới công nghệ phục vụ trực tiếp sản xuất kinh doanh: Doanh nghiệp để có thể đầu tư đổi mới máy móc thiết bị phục vụ sản xuất kinh doanh cần thực hiện theo một quy trình kỹ lưỡng nhiều giai đoạn từ lúc có ý tưởng, lựa chọn công nghệ đến khi triển khai đầu tư và đưa vào hoạt động phục vụ sản xuất kinh doanh và kéo dài nhiều năm tùy thuộc vào nhiều yếu tố. Do vậy, quy định tại khoản 3 Điều 4 của Thông tư số 05/2022/TT-BKHCN và điểm c khoản 1 Điều 5 của Thông tư số 67/2022/TT-BTC cho phép doanh nghiệp được sử dụng Quỹ mua máy móc, thiết bị đổi mới công nghệ phục vụ trực tiếp sản xuất kinh doanh trong hai năm là 2022 và năm 2023 (thời gian hiệu lực của Nghị quyết số 43/2022/QH15 của Quốc hội) về cơ bản không đủ thời gian để doanh nghiệp triển khai, thực hiện.

Khó phát huy tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của doanh nghiệp đối với nội dung chi của Quỹ cho nghiên cứu KH&CN: Các văn bản pháp luật quy định doanh nghiệp khi hình thành Quỹ phải xây dựng các quy chế, điều lệ quy định về việc trích lập và sử dụng Quỹ gửi các cơ quan hữu quan gồm Sở KH&CN, Sở Tài chính, Cục thuế địa phương nơi doanh nghiệp đăng ký thuế để làm căn cứ cho doanh nghiệp trích lập và sử dụng Quỹ và làm căn cứ cho các cơ quan quản lý nhà nước đối chiếu, giám sát, thanh tra, kiểm tra. Việc quản lý nhà nước về Quỹ áp dụng theo chế độ hậu kiểm, trong khi hướng dẫn nội dung chi còn thiếu cụ thể dễ dẫn đến rủi ro pháp lý cho doanh nghiệp. Chưa quy định cơ quan chịu trách nhiệm chính quản lý về Quỹ và cơ chế giám sát nội dung chi của Quỹ, quyết toán chi của Quỹ; kiểm tra, thanh tra và xử lý vi phạm về Quỹ.

Nhiều quy định mới nhưng vẫn chưa tương thích, đồng bộ: Thông tư số 05/2022/TT-BKHCN ngày 31/5/2022 của Bộ KH&CN hướng dẫn sử dụng Quỹ phát triển KH&CN của doanh nghiệp đã thay thế một số điều của Thông tư liên tịch số

12/2016/TTLT-BKHCN-BTC ngày 28/6/2016 của Bộ KH&CN và Bộ Tài chính hướng dẫn về nội dung chi và quản lý Quỹ phát triển KH&CN của doanh nghiệp (Thông tư số 05/2022/TT-BKHCN). Thông tư số 05/2022/TT-BKHCN về cơ bản đã sửa đổi, bổ sung nhiều nội dung chi mới của Quỹ. Tuy nhiên, Nghị định số 95/2014/NĐ-CP vẫn chưa được sửa đổi, trong đó nhiều nội dung chi có tính chất KH&CN tại Điều 4 Nghị định số 95/2014/NĐ-CP¹¹ được chi bằng NSNN, nhưng lại không được chi bằng Quỹ (Điều 10 Nghị định 95/2014/NĐ-CP), mặc dù bản chất Quỹ cũng một phần là NSNN và nhiều nội dung chi khác của Quỹ lại chưa cụ thể, rõ ràng, thủ tục còn phức tạp, khó thực hiện.

Thủ tục hành chính trong kiểm soát chi của Quỹ chưa linh động và chưa phù hợp với tính đặc thù của Quỹ (đối với doanh nghiệp nhà nước): Nguồn trích lập Quỹ từ lợi nhuận trước thuế của doanh nghiệp nhà nước, về bản chất chỉ có một phần là NSNN nhưng áp đặt toàn bộ nguyên tắc quản lý NSNN cho các hoạt động có tính rủi ro cao, thiếu tính ổn định theo năm mà phụ thuộc rất lớn vào nhu cầu đổi mới công nghệ của doanh nghiệp tại thời điểm nhất định. Do đó việc áp đặt các nguyên tắc quản lý NSNN cho quản lý Quỹ là không phù hợp, hạn chế sự chủ động của doanh nghiệp như được quy định tại Điều 63 Luật KH&CN “Doanh nghiệp có quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong việc quản lý, sử dụng quỹ đúng mục đích thành lập”. Việc mua sắm các vật tư, thiết bị phục vụ nhiệm vụ KH&CN phải thực hiện theo thủ tục đấu thầu theo pháp luật về đấu thầu dự án đầu tư mất nhiều thời gian, không phù hợp với tính mới, tính hiếm, tính kịp thời, tính rủi ro cao của hoạt động KH&CN.

Quy định pháp luật về xử lý Quỹ được trích lập nhưng chưa sử dụng hoặc sử dụng không hết 70% chưa khuyến khích doanh nghiệp trích lập Quỹ và tích lũy Quỹ cho các dự án nghiên cứu dài hạn: Theo quy định, sau 05 năm trích lập nếu Quỹ chưa sử dụng hoặc sử dụng không hết 70% sẽ được xử lý như sau: (1) phải điều chuyển toàn bộ nguồn Quỹ còn lại cho Quỹ quốc gia, Quỹ của Bộ, hoặc Quỹ cấp tỉnh nơi doanh nghiệp đăng ký nộp thuế và sẽ được hỗ trợ lại khi doanh nghiệp có yêu cầu sử dụng cho nhiệm vụ KH&CN của doanh nghiệp với số tiền hỗ trợ bằng hoặc cao hơn số tiền doanh nghiệp đã điều chuyển. Tuy nhiên, để được sử dụng số Quỹ đã điều chuyển, doanh nghiệp phải làm các thủ tục rất chặt chẽ, mất nhiều thời gian, làm nản lòng doanh nghiệp, trong khi về thực chất nguồn này là thành quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, doanh nghiệp phải được tự quyết định; (2) riêng đối với doanh nghiệp ngoài nhà nước phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp và lãi phạt chậm nộp tính trên số tiền Quỹ còn lại, trong khi phần Quỹ còn lại sau khi hoàn thành các nghĩa vụ thuế thực chất là thu nhập của doanh nghiệp, có thể được hoàn lại thu nhập cho doanh nghiệp. Tuy nhiên, quy định pháp luật về Quỹ chưa quy định nội dung này nên doanh nghiệp không thể thực hiện được¹². Trong khi đó, các khoản chi kể cả chi cho đầu tư và nghiên

¹¹ Chi hỗ trợ hoạt động hội nhập quốc tế về KH&CN, khen thưởng KH&CN, bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ, tổ chức hội nghị, hội thảo trong nước và quốc tế...

¹² Tại Tập đoàn Viễn thông Việt Nam (VNPT) việc hoàn lại thu nhập chỉ được cơ quan Kiểm toán chấp thuận khi có văn bản hướng dẫn của Bộ Tài chính, hướng dẫn này chỉ mang tính cá biệt hướng dẫn từng năm theo từng văn bản kiến nghị của doanh nghiệp.

cứu khoa học phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh nếu có hóa đơn, chứng từ hợp pháp đều được đưa vào chi phí và được khấu trừ trong kỳ tính thuế thu nhập doanh nghiệp và thủ tục chi đơn giản hơn nhiều so với chi từ Quỹ.

Quản lý tài sản hình thành từ Quỹ còn nhiều bất cập: Điều 13 Thông tư liên tịch số 12/2016/TTLT-BKHCN-BTC nay được quy định tại khoản 3 Điều 5 Thông tư số 67/2022/TT-BTC ngày 07/11/2022 của Bộ Tài chính hướng dẫn về nghĩa vụ thuế khi doanh nghiệp trích lập và sử dụng Quỹ phát triển KH&CN của doanh nghiệp, tài sản cố định hình thành từ Quỹ chưa hết hao mòn nếu chuyển sang phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp thì phải hạch toán vào *thu nhập khác* và phần giá trị còn lại của tài sản cố định đó được trích khấu hao, tính vào chi phí khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp, trong một số loại hình doanh nghiệp mức thuế này cao hơn rất nhiều so với mức thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong trường hợp đầu tư tài sản từ nguồn vốn sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp¹³. Về bản chất doanh nghiệp chỉ có thu nhập từ các kỳ kinh doanh trong quá trình sử dụng tài sản nhưng đã phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp đối với toàn bộ giá trị tài sản ngay tại thời điểm chuyển sang hoạt động sản xuất kinh doanh, dẫn đến việc không khuyến khích doanh nghiệp chi mua sắm tài sản phục vụ nghiên cứu khoa học từ nguồn Quỹ hoặc nếu có mua sắm tài sản thì trì hoãn chuyển tài sản hành thành từ Quỹ sang hoạt động sản xuất kinh doanh và điều này đi ngược lại quan điểm và mục tiêu hình thành Quỹ để thúc đẩy doanh nghiệp nghiên cứu khoa học và đổi mới công nghệ.

Thủ tục mua sắm phục vụ nhiệm vụ KH&CN chưa phù hợp tình hình thực tế: Việc mua sắm các vật tư, thiết bị phục vụ nhiệm vụ KH&CN phải thực hiện theo thủ tục đấu thầu theo pháp luật về *đấu thầu dự án đầu tư* với thủ tục phức tạp, mất rất nhiều thời gian, không phù hợp với tính mới, tính hiếm, tính kịp thời, tính rủi ro cao của hoạt động KH&CN.

Quy định về lãi suất tính lãi chậm nộp không còn phù hợp: Lãi chậm nộp đối với số thuế thu nhập doanh nghiệp của Quỹ được trích lập khi không sử dụng hoặc sử dụng không hết 70% được tính theo lãi suất trái phiếu kho bạc kỳ hạn 1 năm không còn phù hợp với thực tế thị trường trái phiếu hiện nay; không phù hợp với các Nghị quyết của Trung ương và Quốc hội¹⁴, Bộ Tài chính đã không còn phát hành trái phiếu ngắn hạn 01 năm nhằm giảm áp lực đảo nợ của NSNN trong ngắn hạn, đảm bảo an toàn nền tài chính quốc gia.

Vẫn còn thiếu các quy định hướng dẫn về Quỹ: Chưa có hướng dẫn cụ thể về định mức, quy trình triển khai ở các nội dung chi: Cụ thể là thiếu định mức,

¹³ Công ty cổ phần lọc hóa dầu Bình Sơn, Công ty cổ phần Đường Quảng Ngãi được ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp cho phần sản xuất kinh doanh chính với mức 5%, nhưng khi doanh nghiệp chuyển phần tài sản hình thành từ Quỹ sang hoạt động sản xuất kinh doanh, doanh nghiệp phải hạch toán vào thu nhập khác với thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là 20%, nghĩa là doanh nghiệp phải nộp thêm 15% thuế so với trường hợp đầu tư tài sản từ nguồn vốn sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

¹⁴ Nghị quyết số 78/2014/QH13, Nghị quyết số 99/2015/QH13, Nghị quyết số 07-NQ/TW ngày 18/11/2016, Nghị quyết số 25/2016/QH14, Nghị quyết số 23/2021/QH15...

quy trình theo từng nội dung chi của Quỹ như mua quyền sử dụng, quyền sở hữu¹⁵; định mức chi thuê chuyên gia, các nội dung được phép thuê chuyên gia, tiêu chuẩn chuyên gia; chưa hướng dẫn cụ thể trong sử dụng Quỹ để bố trí kinh phí đối ứng cho các hoạt động nghiên cứu và phát triển hợp tác với các tổ chức KH&CN trong và ngoài nước; về trách nhiệm của doanh nghiệp khi sử dụng Quỹ cho các nội dung chi thực hiện nhiệm vụ KH&CN không thành công vì các yếu tố khách quan; chưa có hướng dẫn giải quyết rủi ro trong hợp đồng đào tạo nhân lực KH&CN¹⁶; chưa hướng dẫn trường hợp hoàn nhập thu nhập đối với khoản trích lập Quỹ sau 05 năm không sử dụng hết sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và nộp về Quỹ Quốc gia, Quỹ của Bộ, ngành, địa phương.

III. Đề xuất, kiến nghị

1. Sửa đổi, bổ sung quy định tại Điều 4 nội dung chi NSNN cho KH&CN

1.1. Sửa đổi, bổ sung quy định về chi đầu tư phát triển khoa học và công nghệ (điểm a khoản 1 Điều 4 Nghị định số 95/2014/NĐ-CP) và chi sự nghiệp khoa học và công nghệ (điểm m khoản 2 Điều 4 Nghị định số 95/2014/NĐ-CP) để đảm bảo phân định rõ về phạm vi, tiêu chí, đối tượng điều chỉnh, tổng mức đầu tư giữa dự án đầu tư xây dựng mới, cải tạo, sửa chữa nâng cấp, tăng cường năng lực nghiên cứu; mua sắm, sửa chữa, nâng cấp tài sản, trang thiết bị, máy móc để phân định ranh giới giữa các dự án thực hiện từ nguồn kinh phí đầu tư công với các nhiệm vụ được sử dụng từ nguồn chi thường xuyên.

1.2. Bổ sung nội dung chi đầu tư phát triển cho việc xây dựng trung tâm đổi mới sáng tạo, trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo và nội dung chi sự nghiệp khoa học và công nghệ để duy trì hoạt động của trung tâm đổi mới sáng tạo, trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo.

1.3. Sửa đổi quy định tại điểm b khoản 2 Điều 4 Nghị định 95/2014/NĐ-CP quy định về chi thường xuyên và các nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng của các tổ chức KH&CN công lập theo quy định pháp luật về định cơ chế tự chủ tài chính của các đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP.

1.4. Bổ sung quy định tại điểm k khoản 2 Điều 4 Nghị định số 95/2014/NĐ-CP nhằm làm rõ việc hỗ trợ kinh phí công bố kết quả nghiên cứu khoa học trên các tạp chí khoa học chất lượng cao thuộc các danh mục có uy tín so với quy định trước đây “*k) Hỗ trợ... công bố kết quả nghiên cứu khoa học; ...*”.

1.5. Sửa đổi, bổ sung quy định tại điểm c khoản 2 Điều 4 của Nghị định số 95/2014/NĐ-CP về cấp vốn điều lệ và vốn bổ sung cho các quỹ quốc gia của

¹⁵ Bí quyết công nghệ; kiến thức kỹ thuật về công nghệ được chuyển giao dưới dạng phương án công nghệ, quy trình công nghệ, thiết kế kỹ thuật, giải pháp kỹ thuật, công thức, thông số kỹ thuật, bản vẽ, sơ đồ kỹ thuật, chương trình máy tính, thông tin dữ liệu; giải pháp hợp lý hóa sản xuất, đổi mới công nghệ; bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích, giống cây trồng, kiểu dáng công nghiệp; sáng kiến; các tài liệu, kết quả nghiên cứu, sản phẩm có liên quan trong nước và nước ngoài để phục vụ cho hoạt động khoa học và công nghệ của doanh nghiệp; chưa có hướng dẫn cụ thể về trình tự thực hiện, xác định/thẩm định bí quyết công nghệ, kiến thức kỹ thuật được chuyển giao, thẩm định giá công nghệ;

¹⁶ Trong trường hợp đối tượng nhận đào tạo không tuân thủ hợp đồng, không thể liên lạc do không có thông tin hoặc đang không trên lãnh thổ Việt Nam.

Nhà nước trong lĩnh vực khoa học và công nghệ để phù hợp với quy định của Luật Khoa học và Công nghệ, Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Chuyển giao công nghệ và Luật Công nghệ cao.

2. Sửa đổi, bổ sung quy định tại Điều 5 về kế hoạch, lập dự toán và phân bổ NSNN cho KH&CN

2.1. Bãi bỏ quy định tại khoản 4 Điều 5 Nghị định số 95/2014/NĐ-CP về việc giao Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí phân bổ kinh phí cho hoạt động KH&CN.

2.2. Bổ sung quy định về việc áp dụng Nghị định của Chính phủ quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng chi thường xuyên ngân sách nhà nước để mua sắm tài sản, trang thiết bị; cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng nhằm đảm bảo sự đồng bộ, thống nhất trong tổ chức thực hiện pháp luật về NSNN.

3. Sửa đổi, bổ sung quy định liên quan đến Quỹ phát triển KH&CN của doanh nghiệp

3.1. Sửa đổi quy định tại khoản 1 Điều 9 Nghị định số 95/2014/NĐ-CP về tỷ lệ trích lập Quỹ phát triển KH&CN của doanh nghiệp Nhà nước theo hướng: doanh nghiệp chủ động xác định tỷ lệ trích lập Quỹ tối thiểu nhưng không quá 10% thu nhập tính thuế thu nhập năm nhằm đảm bảo tính bình đẳng về quy định tỉ lệ trích lập Quỹ giữa các doanh nghiệp Nhà nước và các loại hình doanh nghiệp khác. Đồng thời, việc sửa đổi quy định này cũng làm giảm các ảnh hưởng đến đánh giá hiệu quả hoạt động và xếp loại doanh nghiệp Nhà nước theo Điều 28 Nghị định số 87/2015/NĐ-CP.

3.2. Bãi bỏ quy định tại khoản 3 Điều 9 Nghị định số 95/2014/NĐ-CP: “3. Thủ tướng Chính phủ ban hành quy định khuyến khích doanh nghiệp trích lập quỹ phát triển khoa học và công nghệ để đầu tư tăng cường tiềm lực khoa học công nghệ cho doanh nghiệp và cho ngành, lĩnh vực sản xuất kinh doanh, góp phần nâng cao hiệu quả và sức cạnh tranh.”

3.3. Sửa đổi, bổ sung quy định tại Điều 10 Nghị định số 95/2014/NĐ-CP về nội dung chi của Quỹ, cụ thể bao gồm:

3.3.1. Sửa đổi quy định tại điểm c khoản 3 Điều 10 Nghị định số 95/2014/NĐ-CP để đảm bảo quy định tại điểm b mục 3 Điều 3 của Nghị quyết số 43/2022/QH15 về chính sách tài khoá, tiền tệ hỗ trợ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội tiếp tục được thực hiện sau khi Nghị quyết số 43/2022/QH15 hết thời gian hiệu lực thi hành.

3.3.2. Bổ sung quy định cho phép các doanh nghiệp, trong đó có doanh nghiệp Nhà nước thực hiện đầu tư nghiên cứu phát triển công nghệ, đầu tư mạo hiểm, đầu tư vào khởi nghiệp đổi mới sáng tạo nhằm thể chế hóa Nghị quyết số 52-NQ/TW năm 2019 của Bộ Chính trị tại khoản 2 Mục III: “Có cơ chế cho doanh nghiệp nhà nước thực hiện đầu tư nghiên cứu phát triển công nghệ, đầu tư mạo hiểm, đầu tư vào khởi nghiệp đổi mới sáng tạo.”; đầu tư cho các vườn ươm trong

lĩnh vực liên quan đến khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo, đặt hàng các sản phẩm mới,... như nhiệm vụ được giao tại điểm h khoản 1 phần A Mục III Nghị quyết số 58/NQ-CP: “...*nghiên cứu sửa đổi quy định về chuyển mục đích sử dụng Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp để thực hiện các nhiệm vụ: đầu tư cho các vườn ươm trong lĩnh vực liên quan đến khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo; đặt hàng các sản phẩm đổi mới sáng tạo; đầu tư cho doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo*” và tại khoản 6 Chỉ thị số 12/CT-TTg: “*Nghiên cứu sửa đổi quy định về chuyển mục đích sử dụng Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp để tạo điều kiện thực hiện đầu tư cho các vườn ươm trong lĩnh vực liên quan đến khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo, đặt hàng các sản phẩm mới, đầu tư cho doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo*”.

3.3.3. Bổ sung quy định về nội dung chi của Quỹ cho hoạt động chuyển đổi số doanh nghiệp nhằm thực hiện theo Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc duyệt “Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030” tại điểm d khoản 4 Mục 4 Giải pháp “*d) Rà soát, sửa đổi quy định, chính sách để khuyến khích các doanh nghiệp trích lập Quỹ khoa học công nghệ và sử dụng Quỹ này để thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số doanh nghiệp. Nới lỏng và đơn giản hóa các quy định về trích lập và chi tiêu Quỹ khoa học công nghệ cho mục tiêu chuyển đổi số doanh nghiệp*”.

Trên đây là nội dung báo cáo tổng kết tình hình thực hiện Nghị định số 95/2014/NĐ-CP ngày 17/10/2014 của Chính phủ về đầu tư và cơ chế tài chính đối với hoạt động khoa học và công nghệ./.

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ